

Bản án số: 25 / 2023/ HNGĐ-ST.

Ngày: 10 / 03/ 2023

“V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỸ HÀO - TỈNH HƯNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tân Huyền

- Các Hội thẩm nhân dân: 1- Bà Đặng Thị Tuyết Hương

2- Bà Nguyễn Thị Thìn

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Mạnh Hùng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên kiểm sát tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 111/ 2022/ TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc "ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 05/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 giữa :

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm: 1993 (có mặt)

HKTT: Thôn Th, xã H, thị xã M, tỉnh H.

Nơi ở hiện nay: Thôn Y, xã T, huyện Y, tỉnh H.

Bị đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm: 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Th, xã H, thị xã M, tỉnh H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu Trần Đặng Khánh Ng, sinh ngày 01 /12/2014

Cháu Trần Đặng Khánh L, sinh ngày 27/11/2016

Người đại diện theo pháp luật của cháu Ng và cháu L: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1993 (Có mặt)

Đều có địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện Y, tỉnh H.

Cháu Trần Nhật M, sinh ngày 01/5/2018

Người đại diện theo pháp luật của cháu M: Anh Trần Văn D, sinh năm: 1992, đều có địa chỉ: Thôn Th, xã H, thị xã M, tỉnh H (Vắng mặt)

- **Người làm chứng** : Bà Nguyễn Thị H, sinh năm : 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ : Thôn Y, xã T, huyện Y, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 12 năm 2022 của chị Đặng Thị T và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn trình bày như sau:

1- Về quan hệ hôn nhân :

Nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày : Chị và anh Trần Văn D có đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M (nay là thị xã M), tỉnh H ngày 17/5/2014 sau ngày cưới anh chị về chung sống tại gia đình anh D tại thôn Th, xã H, thị xã M, tỉnh H. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, anh D không chịu tu chí làm ăn thường xuyên uống rượu say xỉn đánh chị, anh D là người chồng thiếu trách nhiệm, không quan tâm giúp đỡ chị trong việc chăm sóc nuôi dạy con chung, công việc không ổn định, lúc có việc lúc không, nên không đưa tiền cho chị nuôi con và chi tiêu sinh hoạt hàng ngày, mọi chi tiêu sinh hoạt đóng tiền học cho các con chỉ một mình chị lo toan, gánh vác. Đã nhiều lần chị và gia đình hai bên khuyên bảo nhưng anh D không chịu thay đổi nên vợ chồng không giải quyết được mâu thuẫn. Đến ngày 01/4/2022 vợ chồng cãi nhau, anh D xúc phạm chị nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn Y, xã T, huyện Y, tỉnh H và vợ chồng ly thân từ thời điểm đó. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Bị đơn anh Trần Văn D trình bày: Anh và chị Đặng Thị T có đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M (nay là thị xã M), tỉnh H ngày 17/5/2014 sau ngày cưới anh chị về chung sống tại gia đình anh tại thôn Th, xã H, thị xã M, tỉnh H. Anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng đều là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống hàng ngày chứ không phải là những mâu thuẫn để dẫn đến ly hôn, vợ chồng chung sống đến tháng 3 năm 2022 thì chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn Y, xã T, huyện Y không quay lại chung sống cùng với anh, vợ chồng sống ly thân từ thời điểm đó. Anh xác định bản thân đang tạm nghỉ việc làm để ở nhà trông con. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị T xin ly hôn anh không đồng ý, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ nuôi dạy con chung, anh sẽ đi xin việc làm để cùng gánh vác trách nhiệm với chị T, nhưng nếu chị T kiên quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí.

2- Về con chung:

Chị T và anh D trình bày : Vợ chồng anh chị có 03 con chung là cháu Trần Đăng Khánh Ng, sinh ngày 01/12/2014, cháu Trần Đăng Khánh L, sinh ngày 27/11/2016 và cháu Trần Nhật M, sinh ngày 01/5/2018 hiện nay các cháu Ng và L đang ở với chị T, còn cháu M đang ở với anh D. Nếu ly hôn chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Ng và L đến khi các cháu thành niên và chị nhất trí để anh D nuôi dưỡng, chăm sóc ,giáo dục cháu M đến khi cháu M thành niên. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Anh D đề nghị xin được nuôi cả 3 con và tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về tài sản; vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Chị T và anh D đều xác định anh chị tự thỏa thuận và tự nguyện không yêu cầu Toà án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan : Cháu Trần Đăng Khánh Ng và Trần Đăng Khánh L đều trình bày: Khi các cháu sống cùng với anh D và chị T thì nhiều lần các cháu chứng kiến bố mẹ cãi nhau nhưng các cháu không biết nguyên nhân vì sao, nếu chị T và anh D ly hôn thì cháu Ng và cháu L đều có nguyện vọng được ở với chị T.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H (*mẹ đẻ của chị T*) trình bày: Chị T và anh D, kết hôn năm 2014 trong quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đánh, cãi nhau nên vào năm 2022 thì chị T về nhà bà ở không quay lại chung sống cùng với anh D, bà đề nghị Toà án giải quyết cho chị T được ly hôn anh D để tạo dựng cuộc sống riêng cho hai người.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không hòa giải được do anh D vắng mặt. Vì vậy, phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà hôm nay:

Nguyên đơn chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn anh D và xin được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 con là cháu Ng và cháu L đến khi các cháu thành niên, chị nhất trí giao cháu M cho anh D nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi cháu M thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Các vấn đề khác: Tài sản, vay nợ, công sức, ruộng nông nghiệp chị tự nguyện không yêu cầu giải quyết.

+ Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mỹ Hào phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Toà án thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tiến hành mở phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; lập biên bản hòa giải; Biên bản làm việc giải thích pháp luật cũng như ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử độc lập, Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:* Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh D. Giao cháu Ng và cháu L cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu M cho anh D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Các vấn đề khác: Tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Anh chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết.

Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về tố tụng:* Chị Đặng Thị T và anh Trần Văn D đăng ký kết hôn tự nguyện, hợp pháp vào ngày 17 tháng 5 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M (Nay là thị xã M) và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại quyển số 01 – 2013 số 06 - 2014. Nay chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh D nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Trần Văn D có địa chỉ cư trú tại thôn Th, xã H, thị xã M nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên theo điểm a khoản 1 Điều 35 ; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, vắng mặt anh Trần Văn D, anh D vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh D là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật dân sự.

2. *Về nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử thấy rằng, lời trình bày của chị Đặng Thị T và của anh Trần Văn D, cũng như lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các cháu Ng và cháu L, lời khai của người làm chứng là bà Nguyễn Thị H cũng như biên bản xác minh của uỷ ban nhân dân xã Hưng Long, thị xã Mỹ Hào trong quá trình giải quyết vụ án đã thể hiện trong quá trình chung sống vợ chồng chị T và anh D đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Việc anh D công việc không ổn định, anh chị có 03 con nên trách nhiệm gia đình đè nặng lên vai chị T, anh chị đều đã có những lúc xô xát, cãi nhau. Anh chị đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ ngày 01/4/2022, anh chị đã ly thân từ thời điểm đó cho đến nay. Quá trình ly thân anh chị không cải thiện được tình cảm, không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Chị T xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể sống chung. Anh D mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu chị T kiên quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí cho thấy tình cảm yêu thương gắn bó giữa anh chị không

còn, phản ánh đúng thực trạng hôn nhân của vợ chồng là mâu thuẫn đã trầm trọng, có đầy đủ căn cứ cho ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Tuyết và giải quyết cho chị T được ly hôn với anh D.

2.2- Về con chung : Chị T, anh D có 03 con chung là Trần Đăng Khánh Ng, sinh ngày 01/12/2014, cháu Trần Đăng Khánh L, sinh ngày 27/11/2016 và cháu Trần Nhật M, sinh ngày 01/5/2018. Chị T yêu cầu được nuôi 02 con là cháu Ngọc và cháu L, chị nhất trí giao cháu M cho anh D nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh D muốn nuôi cả 03 con, hội đồng xét xử thấy rằng:

Hiện tại các cháu Ng, cháu L đều đang ở với chị T, cháu M đang ở với anh D. Chị T làm công nhân thu nhập 8.000.000đ/ 1 tháng. Anh D hiện tại đang chưa có việc làm. Quá trình giải quyết vụ án các cháu Ng và L đều có nguyện vọng mong muốn được ở với chị T để thuận lợi cho việc ăn ở và đi học của các cháu. do vậy để đảm bảo quyền lợi của các cháu, tránh việc xáo trộn thay đổi ảnh hưởng đến cuộc sống, việc học tập của các cháu, xét về điều kiện của chị T nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T giao cháu Ng và cháu L cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên. Việc anh D yêu cầu được nuôi cả 3 con sẽ không được chấp nhận vì bản thân anh công việc không ổn định, không có thu nhập, không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 con nên HĐXX giao cháu M cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu M thành niên cũng phù hợp với quan điểm của chị T .

Về cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử sẽ ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh D về việc tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, vay nợ; công sức và ruộng nông nghiệp: Chị T và anh D tự nguyện đề nghị Toà án không giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Về án phí : Chị Đặng Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: - Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 73; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 227; Khoản 2 Điều 229; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1/- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T, xử cho chị Đặng Thị T và anh Trần Văn D ly hôn.

2/- Về con chung: Giao cháu Trần Đăng Khánh Ng, sinh ngày 01/12/2014 và cháu Trần Đăng Khánh L, sinh ngày 27/11/2016 cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu Ng và L thành niên. Giao cháu Trần Nhật M, sinh ngày 01/5/2018 cho anh D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu M thành niên.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị T và anh D đều tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T và anh D đều có quyền thăm và chăm sóc con chung; Không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

3/- Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không phải giải quyết.

4/- Về án phí: Buộc chị Đặng Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0013219 ngày 07/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mỹ Hòa. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5/- Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND Thị xã Mỹ Hòa;
- Phòng KTGD - TAND tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục T.H.A DS Thị xã Mỹ Hòa;
- Các đương sự.
- UBND xã Hưng Long
- Lưu HS vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tân Huyền

Nơi nhận:

- VKSND Thị xã Mỹ Hào;
- Phòng KTGD - TAND tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục T.H.A DS Thị xã Mỹ Hào;
- Các đương sự.
- UBND xã Hoà Phong.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Lưu HS vụ án.

Trần Văn Thường

